

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: **371** /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày **29** tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê quyết phương án giá tiêu thụ nước sạch của
Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số:..... 4750
	Ngày:..... 29/5/17
	Chuyên:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu, thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Quyết định số 14/2004/QĐ-BXD ngày 14/5/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành Định mức dự toán công tác sản xuất nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý vận hành mạng lưới cấp nước;

Căn cứ Công văn số 5854/BTC-TCT ngày 07/5/2014 của Bộ Tài chính về việc thực hiện chính sách chi trả phục vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định về quản lý giá trên đại bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Thực hiện Công văn số 5854/BTC-TCT ngày 07/5/2014 của Bộ Tài chính về việc thực hiện chính sách chi trả phục vụ môi trường rừng và xét đề nghị của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi tại Tờ trình số 87/TTr-CNQN ngày 11/4/2017 về việc điều chỉnh giá nước sạch

để thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1240/STC-QLGCS ngày 05/5/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án giá tiêu thụ nước sạch và quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt đối với hộ dân cư sử dụng nước sạch của Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án giá tiêu thụ nước sạch của Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi, như sau:

1. Nội dung chủ yếu:

- a) Sản lượng nước sản xuất: 7.998.100 m³/năm;
- b) Tỷ lệ hao hụt trong khâu tiêu thụ nước tính theo mức bình quân thực tế: 21,33%;
- c) Sản lượng nước thương phẩm: 6.292.100 m³/năm (đã trừ hao hụt);
- d) Giá tiêu thụ nước sạch bình quân (đã có thuế VAT): **6.906 đồng/m³** (làm tròn số).

2. Giá tiêu thụ nước sạch theo từng mục đích sử dụng:

Mục đích sử dụng	Lượng nước sử dụng/tháng		Giá tiêu thụ nước sạch hiện hành theo mục đích sử dụng đã bao gồm thuế VAT (đồng/m ³)	Hệ số	Giá tiêu thụ nước sạch điều chỉnh theo mục đích sử dụng đã bao gồm thuế VAT (đồng/m ³)
	Mức	Ký hiệu			
Sinh hoạt các hộ dân cư (hộ/tháng)	10m ³ đầu tiên	SH1	4.824	0,7	4.834
	Trên 10m ³ – 20m ³	SH2	6.891	1,0	6.906
	Trên 20m ³	SH3	8.269	1,2	8.287
Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	Theo thực tế sử dụng	HCSN	8.269	1,2	8.287
Sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	SX	8.958	1,3	8.978
Kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	DV	13.782	2,0	13.812

Điều 2. Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi có trách nhiệm:

- 1. Quyết định giá tiêu thụ nước sạch cho các mục đích sử dụng khác

2. Đảm bảo cung cấp nước sạch đủ về số lượng theo phương án điều chỉnh được duyệt và chất lượng nước phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật của ngành y tế;

3. Tổ chức thực hiện việc thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và các khoản thu khác (nếu có);

4. Nộp tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được áp dụng từ ngày 01/6/2017 và thay thế Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch của Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi.

Đối với tiền dịch vụ môi trường rừng: Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi có trách nhiệm nộp vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 6938/UBND-NNTN ngày 30/11/2016.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PVP(NL), NNTN, CB;
- Lưu: VT, CNXD, tsáng.230



Trần Ngọc Căng

Số: **961** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **06** tháng **7** năm **2017**

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt
đối với hộ dân cư sử dụng nước sạch của Công ty cổ phần Cấp thoát
nước và Xây dựng Quảng Ngãi**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 6108
ĐẾN	Ngày: 07/07/17
	Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính – Bộ Xây dựng – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu, thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định về quản lý giá trên đại bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch của Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi tại Tờ trình số 87/TTr-CNQN ngày 11/4/2017 về việc điều chỉnh giá nước sạch để thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1240/STC-QLGCS ngày 05/5/2017 và Công văn số 1790/STC-QLGCS ngày 27/6/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án giá tiêu thụ nước sạch và quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt đối với hộ dân cư sử dụng nước sạch của Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt đối với hộ dân cư sử dụng nước sạch của Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi như sau:

Định mức sử dụng nước sinh hoạt hộ dân cư (hộ gia đình/tháng)	Ký hiệu	Hệ số	Giá tiêu thụ nước đã có thuế VAT (đồng/m³)
10m ³ đầu tiên	SH1	0,7	4.834
Trên 10m ³ – 20m ³	SH2	1,0	6.906
Trên 20m ³	SH3	1,2	8.287

Điều 2. Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi có trách nhiệm:

1. Đảm bảo cung cấp nước sạch đủ về số lượng theo phương án điều chỉnh được duyệt và chất lượng nước phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật của ngành y tế.

2. Tổ chức thực hiện thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và các khoản thu khác (nếu có).

3. Nộp tiền dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng từ ngày 01/7/2017 và thay thế Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt đối với hộ dân cư sử dụng nước sạch của Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi. Riêng tiền dịch vụ môi trường rừng Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi có trách nhiệm nộp vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 6938/UBND-NNTN ngày 30/11/2016

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây

dụng Quảng Ngãi, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PVP, KT, TH, NNTN, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.tlsáng.301



Trần Ngọc Căng

BẢNG GIÁ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH ÁP DỤNG CHO CÁC MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

*Theo Quyết định 12/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
và Quyết định 05/QĐ-CTCN ngày 15/01/2013 của Công ty CP Cấp thoát nước và XD Quảng Ngãi*

Khu vực	Mục đích	Đơn giá chưa VAT	VAT (5%)	Đơn giá đã có VAT	Phí nước thải	Ngày áp dụng
Thành Thị	Giá sinh hoạt mức 1	3.619	181	3.800	100	01/01/2013
Thành Thị	Giá sinh hoạt mức 2	5.143	257	5.400	100	01/01/2013
Thành Thị	Giá sinh hoạt mức 3	6.190	310	6.500	100	01/01/2013
Thành Thị	Hành Chính Sự Nghiệp	6.190	310	6.500	200	07/01/2013
Thành Thị	Sản xuất vật chất	6.762	338	7.100	200	07/01/2013
Thành Thị	Kinh doanh dịch vụ	10.381	519	10.900	200	07/01/2013

BẢNG GIÁ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH ÁP DỤNG CHO CÁC MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

*Theo Quyết định 12/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
và Quyết định 05/QĐ-CTCN ngày 15/01/2013 của Công ty CP Cấp thoát nước và XD Quảng Ngãi*

Khu vực	Mục đích	Đơn giá chưa VAT	VAT (5%)	Đơn giá đã có VAT	Phí nước thải	Ngày áp dụng
Thành Thị	Giá sinh hoạt mức 1	4.571	229	4.800	100	01/01/2014
Thành Thị	Giá sinh hoạt mức 2	6.476	324	6.800	100	01/01/2014
Thành Thị	Giá sinh hoạt mức 3	7.810	390	8.200	100	01/01/2014
Thành Thị	Hành Chính Sự Nghiệp	7.810	390	8.200	200	01/01/2014
Thành Thị	Sản xuất vật chất	8.476	424	8.900	200	01/01/2014
Thành Thị	Kinh doanh dịch vụ	13.048	652	13.700	200	01/01/2014

BẢNG GIÁ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH ÁP DỤNG CHO CÁC MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

*Theo Quyết định 359/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
và Quyết định 108/QĐ-CTCN ngày 30/9/2014 của Công ty CP Cấp thoát nước và XD Quảng Ngãi*

Khu vực	Mục đích	Đơn giá chưa VAT	VAT (5%)	Đơn giá đã có VAT	Phí nước thải	Ngày áp dụng
Thành Thị	Giá sinh hoạt mức 1	4.594	230	4.824	230	01/10/2014
Thành Thị	Giá sinh hoạt mức 2	6.563	328	6.891	230	01/10/2014
Thành Thị	Giá sinh hoạt mức 3	7.875	394	8.269	230	01/10/2014
Thành Thị	Hành Chính Sự Nghiệp	7.875	394	8.269	230	01/10/2014
Thành Thị	Sản xuất vật chất	8.531	427	8.958	230	01/10/2014
Thành Thị	Kinh doanh dịch vụ	13.126	656	13.782	230	01/10/2014
Thành Thị	Giá KCN VSIP	5.871	294	6.165	230	07/01/2013

BẢNG GIÁ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH ÁP DỤNG CHO CÁC MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

*Theo Quyết định 359/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
và Quyết định 108/QĐ-CTCN ngày 30/9/2014 của Công ty CP Cấp thoát nước và XD Quảng Ngãi
và Công văn số 1924/UBND-NNTN ngày 07/4/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*

Khu vực	Mục đích	Đơn giá chưa VAT	Phí BVMT (10%)	VAT (5%)	Đơn giá đã có VAT	Giá nước tính KH	Ngày áp dụng
Thành Thị	Giá sinh hoạt mức 1	4.594	459	230	4.824	5.283	01/04/2017
Thành Thị	Giá sinh hoạt mức 2	6.563	656	328	6.891	7.547	01/04/2017
Thành Thị	Giá sinh hoạt mức 3	7.875	788	394	8.269	9.057	01/04/2017
Thành Thị	Hành Chính Sự Nghiệp	7.875	788	394	8.269	9.057	01/04/2017
Thành Thị	Sản xuất vật chất	8.531	853	427	8.958	9.811	01/04/2017
Thành Thị	Kinh doanh dịch vụ	13.126	1.313	656	13.782	15.095	01/04/2017
Thành Thị	Giá KCN VSIP	5.871		294	6.165	6.165	07/01/2013

BẢNG GIÁ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH ÁP DỤNG CHO CÁC MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

*Theo Quyết định 461/QĐ-UBND ngày 06/7/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
và Quyết định 1...../QĐ-CTCN ngày/7/2017 của Công ty CP Cấp thoát nước và XD Quảng Ngãi
và Công văn số 1924/UBND-NNTN ngày 07/4/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*

Khu vực	Mục đích	Đơn giá chưa VAT	Phí BVMT (10%)	VAT (5%)	Đơn giá đã có VAT	Giá nước tính KH	Ngày áp dụng
Thành Thị	Giá sinh hoạt mức 1	4.604	460	230	4.834	5.294	01/07/2017
Thành Thị	Giá sinh hoạt mức 2	6.577	658	329	6.906	7.564	01/07/2017
Thành Thị	Giá sinh hoạt mức 3	7.892	789	395	8.287	9.076	01/07/2017
Thành Thị	Hành Chính Sự Nghiệp	7.892	789	395	8.287	9.076	01/07/2017
Thành Thị	Sản xuất vật chất	8.550	855	428	8.978	9.833	01/07/2017
Thành Thị	Kinh doanh dịch vụ	13.154	1.315	658	13.812	15.127	01/07/2017
Thành Thị	Giá KCN VSIP	5.871		294	6.165	6.165	07/01/2013